

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CÀ MAU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32 /2019/DS-PT
Ngày 26 - 02 - 2019
V/v Đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Trung
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2018/TLPT- DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc Đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2019/QĐPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông D, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Bị đơn: Chị H, sinh năm 1961;

Nơi cư trú: xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Ông M, sinh năm 1952

Nơi cư trú: xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Bà Thị H, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Trần Văn Thời.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông S và bà B có chung 4 người con gồm: M, Thị H, D, H. Ông S và bà B có phần đất diện tích 6.050m² tại xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do ông S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 bà B chết không lập di chúc; năm 2014 ông S chết, chị H cho rằng ông S có di chúc cho chị là người hưởng toàn bộ 6.050m² đất.

Thời điểm còn sống, ông S có thể chấp quyền sử dụng 6.050m² đất vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Trần Văn Thời (*Viết tắt là Ngân hàng*). Năm 2015, ông D xuất tiền ra thanh toán xong nợ cho Ngân hàng tổng vốn lãi là 58.326.000đ, còn 6.050m² đất chị H là người đang quản lý sử dụng. Nay ông D khởi kiện yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả lại ông 58.326.000đ và lãi suất theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định, tính từ năm 2015 đến nay; Chị H đồng ý trả 58.326.000đ nhưng không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông D.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các loại án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: - Chấp nhận yêu cầu của ông D; Buộc chị H trả cho ông D số tiền 58.326.000đ; Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông D.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông D không phải chịu. Chị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 2.916.305đ.

Ngày 12/11/2018 ông D là nguyên đơn nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử buộc chị H phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng quy định từ ngày 26/02/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc 58.326.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông S là cha đẻ của nguyên đơn và bị đơn, năm 2011 ông S có thể chấp quyền sử dụng 6.050m² đất vay của Ngân hàng 37.000.000đ nhưng chưa thanh toán, ngày 23/01/2014 ông S chết, toàn bộ 6.050m² đất này chị H quản lý sử dụng; ngày 26/02/2015, ông D thanh toán đủ cho Ngân hàng khoản nợ của ông S với số

tiền 58.326.000đ. Việc ông trả toàn bộ khoản nợ của ông S cho Ngân hàng là thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Song di sản thừa kế của ông S là 6.050m² đất hiện chị H là người đang quản lý sử dụng nên án sơ thẩm buộc chị H phải có nghĩa vụ giao trả lại ông D 58.326.000đ là đúng pháp luật; quyết định này của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị.

[2] Đối với kháng cáo của ông D về phần lãi suất của số tiền 58.326.000đ, thấy rằng: Khoản nợ 58.326.000đ là trách nhiệm của những người hưởng di sản thừa kế tài sản của ông S. Hiện chị H là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của ông S, chị là người hưởng lợi từ di sản của ông S nên chị H phải có nghĩa vụ tài sản của ông S để lại. Song, ông D đã tự nguyện thực hiện việc trả Ngân hàng mà không có sự thỏa thuận với chị H về nghĩa vụ của chị H phải thực hiện đối với ông D sau khi ông D trả xong khoản nợ của ông S cho Ngân hàng; cũng như giữa ông D và chị H không có xác lập với nhau về thời điểm chị H phải trả lại ông D số tiền 58.326.000đ, cũng như không có sự thỏa thuận về việc phải tính lãi suất của 58.326.000đ, thời điểm tính lãi suất, mức lãi suất, v.v.. Cũng không có chứng cứ chứng minh thời điểm trước khi ông D khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đòi lại 58.326.000đ chị H đã đồng ý trả nhưng lại không thực hiện, vấn đề trên được xem như ông D cho chị H vay không thời hạn và không có lãi (cho mượn tiền). Do đó, yêu cầu của ông D buộc chị H trả lãi của 58.326.000đ từ ngày 26/02/2015 đến ngày Tòa án xét xử là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm. Song ông D là người cao tuổi, theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì ông D thuộc trường hợp miễn án phí nên miễn án phí cho ông D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 163, Điều 256, khoản 1 Điều 477, Điều 637 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 và 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D; Buộc chị H có nghĩa vụ trả cho ông D **58.326.000đ** (Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông D buộc H phải trả lãi của số tiền 58.326.000đ từ ngày 26/02/2015 cho đến ngày Tòa án xét xử.

- Án phí: + Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông D; hoàn trả lại cho ông D 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006684 ngày 28/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

+ Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông D; hoàn trả lại cho ông D 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008907 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

+ Án phí dân sự có giá ngạch chi H phải chịu 2.916.000đ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miễn